TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xiêm và bà Mạc Thị Lan.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lưu Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng và điểm cầu thành phần trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm, công khai trực tuyến vụ án thụ lý số 101/2026/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999;

Số định danh cá nhân: 030199002484.

Địa chỉ: TDP B, phường C, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Phạm Huynh T1, sinh năm 1995;

Số chứng minh thư nhân dân: 142910451

Địa chỉ: TDP T, phường L, thành phố Hải Phòng.

Hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan.

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1958

Chị T có mặt; anh T1, bà N và bà T2 đều vắng mặt tại phiên tòa.

Những người hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến:

1. Ông Nguyễn Việt H – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

2. Ông Nguyễn Đức Đ – Phó Chánh văn phòng UBND phường T, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường L, thành phố Hải Phòng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 05/8/2020. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng càng về sau lại càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không hợp nhau. Đến tháng 5/2022 thì anh T1 đi Đài Loan làm ăn. Chính vì lí do trên, cuộc sống vợ chồng anh chị ngày càng xa cách nên anh chị không còn quan tâm, nói chuyện, ít liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Đến năm 2024 chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại TDP B, phường C, thành phố Hải Phòng sinh sống từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả.

Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết cho chị ly hôn với chị anh Phạm Huynh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là Phạm Phương L, sinh ngày 03/5/2021. Hiện nay cháu đang ở cùng chị và ông bà ngoại tại TDP B, phường C, thành phố Hải Phòng. Nếu anh chị ly hôn, chị đề nghị giao cháu L cho chị tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Huynh T1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T1 thông qua mẹ ruột của anh T1 là bà Nguyễn Thị T2, bà T2 đồng ý nhận văn bản tố tụng và sẽ thông báo cho anh T1 biết ngay.

- *Bà Nguyễn Thị T2 trình bày:* Bà là mẹ đẻ của anh Phạm Huynh T1 và mẹ chồng của chị Nguyễn Thị T. Anh T1 và chị T quen biết, tự nguyện tìm hiểu và đăng kí kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường L, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, anh T1 và chị T chung sống cùng bố mẹ chồng tại Đ, Chí L1. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tới tháng 5/2022 thì anh

T1 đi Đài Loan làm ăn. Khi anh T1 đi thì hai vợ chồng vẫn hạnh phúc. Tới tháng 4/2023 thì anh T1 nghe nhiều người nói chị T có người khác ở nhà nên anh T1 về Việt Nam và phát hiện chị T nhắn tin qua lại với người đàn ông khác. Từ lúc đó hai vợ chồng xích mích, không còn tình cảm. Tới cuối tháng 4/2023 chị T dẫn con về nhà ngoại ở tại TDP B, phường C, thành phố Hải Phòng từ đó đến nay. Đến tháng 5/2023 thì anh Trường Q lại Đài Loan làm việc từ đó tới nay. Gia đình hai bên cũng không động viên hòa giải vì hai vợ chồng đã không còn tình cảm, nói chuyện với nhau nữa. Thi thoảng chị T cũng cho cháu về chơi với ông bà nội. Nay chị T cương quyết ly hôn thì bà có gọi cho con trai bà là anh T1 thì anh T1 nói là hai vợ chồng không còn tình cảm, chị T đã phản bội thì nay anh đồng ý ly hôn, bà cũng đồng ý cho anh T1 và chị T ly hôn.

Về con chung: Hai anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Phương L, sinh ngày 03/5/2021. Hiện nay cháu đang ở cùng chị T. Nếu ly hôn thì bà và anh T1 cũng muốn nuôi dưỡng cháu L, không cần chị T cấp dưỡng. Không đồng ý để chị T nuôi cháu vì hiện nay chị T và cháu L đang ở với bà nội chị T tại nhà tình nghĩa chật hẹp, điều kiện không tốt để cháu phát triển. Hiện nay bà và chồng bà đủ sức khỏe, điều kiện để nuôi cháu ăn học trong thời gian anh T1 đi nước ngoài.

Về quan hệ tài sản: Anh T1 và chị T không có, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các văn bản do Toà án giao cho anh T1 thì bà T2 sẽ nhận hộ và báo cho anh T1 biết các nội dung trong các văn bản.

- *Bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà được biết con gái riêng của chồng bà là Nguyễn Thị T và con rể là Phạm Huynh T1 đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng. Bà đã được cháu T cùng cháu T1 thông báo về việc hai cháu ly hôn. Cháu T và cháu T1 tự nguyện quen biết, đăng kí kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường L, thành phố Hải Phòng) vào năm 2020. Được tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, sau khi cưới chị T về chung sống với anh T1 và bố mẹ anh T1 tại Đ, Chí L1. Thời gian đầu vợ chồng chị T, anh T1 chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 anh T1 đi Đài Loan làm việc, tuy nhiên anh T1 không gửi tiền về cho cháu T chăm sóc con mà chỉ gửi cho mẹ anh T1. Vì xa nhau nên các cháu cũng không còn quan tâm nhau nhiều, ít liên lạc nói chuyện với nhau, nảy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau và không liên lạc. Đến tháng 5/2024, chị T dẫn con về nhà bà ở tại TDP B, phường C, thành phố Hải Phòng từ đó đến nay. Anh T1 không hề liên lạc, gọi điện, mẹ anh T1 có qua nói chuyện, động viên hòa giải và bà cũng động viên thêm nhưng không thành. Nay, bà nhận thấy tình

cảm chị T và anh T1 không còn, chị T muốn ly hôn và anh T1 cũng đồng ý thì bà đồng ý cho chị T và anh T1 ly hôn.

Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Phương L, sinh ngày 03/05/2021. Từ lúc chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ thì mẹ anh T1 vẫn thi thoảng qua đón cháu về chơi với ông bà nội. Hiện nay, cháu L còn nhỏ, đang sinh sống cùng gia đình bà, chị T và vợ chồng bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu, cháu được mọi người trong gia đình yêu thương, chăm sóc chu đáo. Mặc dù bà là mẹ kế của cháu T nhưng giữa bà và cháu luôn có tình cảm gắn bó, hòa thuận, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau như mẹ con trong gia đình. Trong cuộc sống hàng ngày, bà luôn quan tâm, động viên và sẵn sàng hỗ trợ cháu T trong mọi công việc, đặc biệt là việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Trong thời gian cháu T đi làm, bà là người thường xuyên hỗ trợ đưa đón cháu L, chuẩn bị cơm nước, chăm lo sinh hoạt và để ý việc ăn uống, nghỉ ngơi của cháu. Cháu L từ khi ở cùng mẹ và gia đình bà đều phát triển ổn định, khỏe mạnh và ngoan ngoãn. Hiện nay bà không đi làm mà chủ yếu ở nhà nội trợ nên có nhiều thời gian để hỗ trợ cháu T trong việc chăm sóc con nhỏ, tạo điều kiện để cháu yên tâm làm việc và ổn định cuộc sống. Vì vậy, bà hoàn toàn đồng ý và ủng hộ việc giao cháu Phạm Phương L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, cháu T và cháu T1 tự thỏa thuận với nhau. Cháu T hiện đang làm việc tại khu công nghiệp Q, hàng ngày cháu vẫn đi làm sáng đi làm, tối về nhà, thu nhập hàng tháng trung bình khoảng 10.000.000- 15.000.000 đồng/tháng. Cháu L hiện đang học mầm non tại Trường mầm non N1 ở TDP B, phường C, thành phố Hải Phòng, cháu đi học rất vui vẻ, hòa đồng với các bạn cùng lớp; khỏe mạnh phát triển bình thường. Bố mẹ anh T1 không ở với nhau từ lâu, lúc cháu T về làm dâu thì cũng chỉ sống với mẹ anh T1, mẹ anh T1 làm ruộng ở nhà, anh T1 thì đi nước ngoài không có thời gian nhiều để chăm sóc cháu, nếu anh T1 nuôi con thì cháu sẽ ở một mình với bà nội, bố đi làm xa trong khi cháu còn nhỏ cần sự yêu thương, chăm sóc của bố mẹ hơn. Bà thấy cháu L là con gái, còn nhỏ thì ở với mẹ cùng với sự chăm sóc của vợ chồng bà thì sẽ thuận lợi, phát triển cho cháu hơn, hiện nay cuộc sống, sức khỏe và việc học hành của cháu đang ổn định nên bà thấy cần giữ nguyên như vậy.

Về quan hệ tài sản: cháu T và cháu T1 tự thỏa thuận.

- *Bà Mạc Thị G trình bày:* Bà là Phó bí thư chi bộ TDP Trụ Hạ từ năm 2015. Bà biết anh Phạm Huynh T1 là con trai bà Nguyễn Thị T2. Năm 2020 anh Phạm Huynh T1 và chị Nguyễn Thị T có kết hôn và tổ chức đám cưới, sau đó về chung sống tại gia đình bà T2 ở TDP T. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì anh T1 đi Đài Loan. Tháng 4/2023 bà cũng nghe mọi người nói chị T có

người đàn ông khác và bị anh T1 bắt gặp. Sau đó chị T bỏ về nhà ngoại, hai vợ chồng xích mích và không ở cùng nhau đến nay. Anh T1 sau đó đi Đài Loan, chị T cũng không thấy về nhà bà T2 sống cùng nữa, thi thoảng có cho cháu về chơi. Nay chị T nộp đơn ly hôn, tranh chấp nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tòa án nhân dân Khu vực 9 tiến hành làm việc với ông Phạm Khắc Đ1 – Cán bộ Công an phường L, TP Hải Phòng kết quả: Qua tra cứu dữ liệu thông tin về dân cư thì anh Phạm Huynh T1 sinh ngày 23/9/1995 có hộ khẩu thường trú tại: TDP T, phường L, TP Hải Phòng. Qua xác minh thực tế tại địa phương, anh Phạm Huynh T1 đi Đài Loan từ 2022, không rõ địa chỉ cụ thể, không báo công an địa phương nên không nắm được.

- Tòa án nhân dân Khu vực 9 có Công văn gửi Phòng quản lý XNC – Công an thành phố H cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh T1. Tại Công văn số 3126/XNC-Đ1 của Phòng quản lý XNC: Trường hợp anh Phạm Huynh T1, sinh 23/9/1995, số CMND: 142910451 không thấy thông tin xuất nhập cảnh.

Tại phiên toà:

Anh T1, bà N, bà T2 đều vắng mặt.

Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và phần trình bày trước đây, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T1 được ly hôn; về con chung: Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Phương L, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Huynh T1.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Phương L, sinh ngày 03/05/2021 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Phương L. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T vì chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị T đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1 có địa chỉ tại Tổ dân phố T, phường L, thành phố Hải Phòng, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Hải Phòng.

[1.2]. Bị đơn, người làm chứng vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Huynh T1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường L, thành phố Hải Phòng) ngày 05/8/2020 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Căn cứ lời khai chị T và những người làm chứng xác định: Sau khi kết hôn, anh T1 và chị T chung sống cùng bố mẹ chồng tại Đ, Chí L1. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tới tháng 5/2022 thì anh T1 đi Đài Loan làm ăn. Chính vì lí do trên, cuộc sống vợ chồng anh chị ngày càng xa cách nên anh chị không còn quan tâm, nói chuyện, ít liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Khoảng năm 2024, chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại TDP B, phường C, thành phố Hải Phòng sinh sống. Từ thời gian đó tới nay mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, anh chị cũng không còn liên lạc, nói chuyện hay chung sống, nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Trình bày của chị T phù hợp với lời khai của những người làm chứng và kết quả xác minh của Tòa án. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Việc chị T đề nghị được ly hôn với anh T1 là có căn cứ chấp nhận. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T ly hôn anh T1.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Phương L, sinh ngày 03/5/2021, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tuy nhiên anh T1 không đến làm việc, không có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Mặc dù bà Nguyễn Thị T2 trình bày quan điểm của anh T1 về việc mong muốn được nuôi dưỡng cháu L. Tuy nhiên, cháu L là cháu gái nhỏ tuổi, đang sống cùng chị T ổn định. Chị T và gia đình chị T đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi bố mẹ ly hôn, cần giao cháu L cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là phù với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Huynh T1.

2. Về quan hệ con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Phạm Phương L, sinh ngày 03/5/2021.

Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Phương L đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí sơ thẩm ly hôn đã nộp theo biên lai thu số 0001143 ngày 26/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9-Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng (Lưu hộ tịch, GCNKH số 38, ngày 05/8/2020;
- Lưu HS; VP;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Luyến